

Bản án số: 56/2018/HS-ST

Ngày: 27/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Thanh

- Ông Nguyễn Phi Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/TLST-HS, ngày 07 tháng 9 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/QĐXXST-HS ngày 14/0/2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc L; sinh ngày 15/12/1995; nơi cư trú: số 71, đường K, phường H, thành phố T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T và bà Nguyễn Thị Phương T; có vợ Lê Nguyễn Hoài T và 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/8/2013 bị TAND tỉnh H xử phạt 01 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh H đến ngày 27/12/2013 chấp hành xong hình phạt tù. (hiện đã chấp hành xong bản án)

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: , xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: 131/33/38, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1972, nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- Người làm chứng:

- Chị Lâm Ngọc B, sinh năm 1998; nơi cư trú: 131/33/38, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).
- Chị Lê Nguyễn Hoài T, sinh năm 1997, nơi cư trú: Phường P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).
- Anh Trần Đình B, sinh năm 1997; nơi cư trú: Phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2017, Trần Ngọc L sử dụng Facebook “Đức Xuân C” với mục đích làm quen qua mạng internet. L kết bạn với Facebook “Nguyễn Văn H” của anh Nguyễn Văn H. Quá trình nói chuyện, trao đổi qua Facebook thì anh H có nói đến website hacklike.com.vn của mình đang bị lỗi nên nhờ L sửa giúp. Sau đó, L gửi cho anh H một đường Link qua Facebook với mục đích là để khi anh H click vào đường link đó thì L sẽ lấy được những mật khẩu đã lưu trên trình duyệt của anh H. Bằng thủ đoạn này L đã lấy được mật khẩu của tài khoản Facebook “Nguyễn Thị P” là của chị Nguyễn Thị P, tạm trú tại số nhà 01 đường Lê B, phường P, thành phố H - là vợ anh H. Sau đó L đã lưu lại mật khẩu trên trình duyệt của mình và thường xuyên theo dõi được việc trao đổi thông tin qua Facebook của vợ chồng anh H, chị P. Ngày 15/11/2017, anh Nguyễn Văn H bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh P khởi tố và bắt tạm giam về tội “Đánh bạc”. Do đã có quá trình theo dõi, đọc được tin nhắn của chị P trao đổi với người thân, bạn bè về việc anh Nguyễn Văn H đang bị Công an tỉnh P bắt tạm giam về hành vi đánh bạc trên mạng. Đồng thời qua theo dõi Facebook của chị P, L biết số điện thoại của chị P, biết được nhiều chuyện về gia đình, về riêng tư và các mối quan hệ bạn bè trên facebook của vợ chồng anh H. Vì vậy, Trần Ngọc L đã nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tiền của chị P bằng thủ đoạn đóng giả anh H. Ngày 10/12/2017, Trần Ngọc L sử dụng số điện thoại 01206047192 mà L thường sử dụng nhắn tin vào số điện thoại 0982783317 của chị P; L đóng giả anh H nhắn tin cho chị P với các nội dung như “được cán bộ trại giam cho mượn điện thoại, chỉ được nhắn tin chứ không được gọi điện” mục đích là để chị P không gọi điện nhằm tránh bị lộ. Quá trình trao đổi qua điện thoại dưới dạng tin nhắn, L thường nói nhiều chuyện riêng tư của vợ chồng để chị P tin rằng người đang nhắn tin nói chuyện là anh H chồng mình. Do thấy các tin nhắn mà L nhắn đến có nhiều cú pháp, câu từ và cách thức nói chuyện giống với anh H nên chị P tin rằng người nhắn tin từ số điện thoại 01206047192 là chồng mình. Khi biết chị P đã tin mình là chồng, Trần Ngọc L bắt đầu nhắn các tin nhắn có chứa các nội dung như “phải chi tiền cán bộ Công an để xin tại ngoại về với gia đình”. Sau đó L nhắn tin bảo chị P gửi tiền vào các số tài khoản do L cung cấp và lừa đó là các số tài khoản của người nhà cán bộ Công an để chị P chuyển tiền vào.

Vì tưởng rằng L là chồng của mình thật, nên từ ngày 10/12/2017 đến ngày 13/12/2017 tại phòng thuê trọ ở số 01 đường L, phường P, thành phố H; chị

Nguyễn Thị P tự mình chuyển và nhờ bạn là anh Trần Đình B đã 04 lần chuyển tiền vào 02 số tài khoản Ngân hàng do L cung cấp, gồm: Tài khoản số 0061001126297, chủ tài khoản Lê Thị Thu T ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Khánh Hòa và tài khoản số 0591000334829, chủ tài khoản Lê Việt A, ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Hưng Yên tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Trong đó, tài khoản số 0061001126297 là do Trần Ngọc L đã nhờ chị Lâm Ngọc B mở giúp từ trước. Khi nhờ chị B, L nói là “L buôn bán hàng qua mạng nhưng chưa có chứng minh nhân dân nên không mở tài khoản được”. Vì chưa có chứng minh nhân dân nên chị B đã nhờ mẹ ruột là Lê Thị Thu T cùng đi đến ngân hàng và sử dụng chứng minh nhân dân của bà T khai mở tài khoản. Sau đó chị B đã giao quyền sử dụng tài khoản nói trên cho L. Còn số tài khoản 0591000334829 chủ tài khoản là Lê Việt A là bạn bè Lâm quen qua mạng từ trước. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào hồi 00 giờ 52 phút ngày 10/12/2017, L nhắn tin cho chị P yêu cầu chuyển 50.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001126297 của Lê Thị Thu T. Chị P đã sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển số tiền 50.000.000 đồng từ tài khoản số 0101001096519 của chị P đến số tài khoản 0061001126297.

Lần thứ hai: Vào hồi 00 giờ 29 phút ngày 11/12/2017, L nhắn tin yêu cầu chị P chuyển vào số tài khoản 0591000334829 của Lê Việt A 80.000.000 đồng. Chị P đã sử dụng dịch vụ Internet Banking thực hiện 02 lần chuyển số tiền 80.000.000 đồng từ tài khoản số 0101001096519 của chị P vào số tài khoản 0591000334829 (lần thứ nhất chuyển 50.000.000 đồng, lần 2 chuyển 30.000.000 đồng).

Lần thứ ba: Vào hồi 19 giờ 37 phút ngày 11/12/2017, L nhắn tin yêu cầu chị P chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001126297. Do giới hạn chuyển tiền của dịch vụ internet Banking trong ngày mỗi tài khoản không được chuyển tiền vượt quá 100.000.000 đồng nên chị P đã chuyển số tiền 15.000.000 đồng từ tài khoản số 0101001096519 của chị P và nhờ bạn là anh Trần Đình B chuyển 15.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001126297.

Lần thứ tư: Vào hồi 16 giờ 52 phút ngày 13/12/2017, L nhắn tin yêu cầu chị P chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản 0061001126297. Chị P đã sử dụng dịch vụ Internet Banking chuyển 50.000.000 đồng từ số tài khoản 0101001096519 của chị P vào số tài khoản 0061001126297

Sau khi lừa chị P chuyển tiền vào tài khoản 0061001126297 của Lê Thị Thu T thì L trực tiếp đi rút tiền để tiêu xài cá nhân và mua sắm. Còn số tiền 80.000.000 đồng L lừa chị P chuyển vào tài khoản 0591000334829 của Lê Việt A thì L nhờ Lê Việt A chuyển qua tài khoản 0061001126297. Lê Việt A sau đó đã chuyển cho L số tiền 50.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng, Lê Việt A không chuyển lại cho L và sau đó đã ngừng liên lạc với L.

Ngày 23/12/2017, anh Nguyễn Văn H được tại ngoại về nhà, qua trao đổi với anh H thì chị P biết đã bị lừa nên đến ngày 05/04/2018 đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh. Đến ngày 11/4/2018, khi biết thông tin Công an đang điều tra về hành vi của mình, Trần Ngọc L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đầu thú. Khi đến đầu thú, L đã giao nộp lại số tiền

110.000.000 đồng để trả lại cho bị hại và chiếc điện thoại bên trong có sim số thuê bao 01206047192 mà L đã sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Về vật chứng: Số tiền 110.000.000 đồng Trần Ngọc L tự giao nộp đã được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Nguyễn Thị P, còn lại 01 chiếc điện thoại di động màu vàng, sau thân máy có chữ M.PARTY bên trong có sim số thuê bao 01206047192, được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị P sau khi nhận lại số tiền 125.000.000 đồng (gồm 110.000.000 đồng do L trả lại và 15.000.000 đồng do L tác động mẹ là bà Nguyễn Thị Phương T bồi thường thay), nay tiếp tục yêu cầu bị cáo L phải bồi thường tiếp số tiền 85.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 56/CTr-VKSTPHT ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 điều 139 BLHS năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng; điểm a khoản 3 điều 139 BLHS năm 1999; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt Trần Ngọc L từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; đề nghị xử lý vật chứng và bồi thường dân sự cho bị hại.

Bị cáo Trần Ngọc L không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, thời gian, địa điểm bị cáo chiếm đoạt tài sản, đặc điểm vật chứng được thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2017 đến ngày 13/12/2017, Trần Ngọc L bằng thủ đoạn đóng giả chồng chị P là anh Nguyễn Văn H đang bị tạm giam cần tiền để lo việc tại ngoại. L đã 04 lần sử dụng điện thoại di động nhắn tin, đưa ra những thông tin gian dối để lừa chị Nguyễn Thị P chiếm đoạt tổng số tiền là 210.000.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi bị cáo Trần Ngọc L thực hiện đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là

210.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng" quy định tại điểm a, khoản 3 điều 139 BLHS năm 1999.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tạo bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội "*Cướp giật tài sản*" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội hai lần trở lên*" quy định tại điểm g, khoản 1 điều 52 BLHS năm 2015. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo, gia đình bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo đã ra đầu thú; tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên cần xử phạt bị cáo với mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này có chị Lâm Ngọc B và bà Lê Thị Thu T đã giúp Trần Ngọc L trong việc mở tài khoản số 0061001126297 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Khánh Hòa để L sử dụng vào mục đích lừa chiếm đoạt tiền của chị P. Tuy nhiên, khi giúp L chị B không biết mục đích của L là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn chị T không biết chị B nhờ mở tài khoản giúp L. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Lâm Ngọc B và chị Lê Thị Thu T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Lê Việt A là chủ tài khoản số 0591000334829 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Hưng Yên, mà chị Nguyễn Thị P đã chuyển số tiền 80.000.000 đồng theo yêu cầu của Trần Ngọc L. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương nhưng theo Công an xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên thì trên địa bàn xã hiện không có người nào có lý lịch như trên nên Cơ quan điều tra tách ra để xác minh làm rõ sau là phù hợp.

Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Thị P là 210.000.000 đồng, bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường được 125.000.000 đồng. Nay bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 85.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của bị hại là có căn cứ, đúng thực tế nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động màu vàng, bên trong có sim số thuê bao 01206047192, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố: Trần Ngọc L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- **Xử phạt: Trần Ngọc L 08 (tám) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 584, điều 585 và điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Trần Ngọc L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn H số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P hoặc anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trần Ngọc L không thi hành được thì hàng tháng Trần Ngọc L còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 1 điều 46; điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 106, điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu vàng kèm theo sim số 01206047192 của Trần Ngọc L (đặc điểm, tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 06/9/2018 giữa cán bộ cơ quan điều tra Công an thành phố H và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc Trần Ngọc L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP H;
- THADS TP H;
- Công an TP H;
- Trại tạm giam CAT HT;
- THAPT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư

٩

